TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T,** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2021/QĐST-HNGĐ.	*T, ngày 20 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Võ Đình T, sinh năm: 1984;

Hộ khẩu thường trú: Số 10/17 ấp 2, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Số 239/44C đường N, phường 7, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1984;

Hộ khẩu thường trú: Số 10/17 ấp 2, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Số 239/44C đường N, phường 7, thành phố T, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị Kiều L tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 13/11/2009, đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Tại phiên hòa giải ngày 12 tháng 4 năm 2021, hai bên thực sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác.

[3] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị Kiều L tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Nhật M sinh ngày 13/11/2011 và Võ Nhật N sinh ngày 14/6/2017.

Sau khi ly hôn, ông Võ Đình T nuôi con chung Võ Nhật M, bà Nguyễn Thị Kiều L nuôi con chung Võ Nhật N. Ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Võ Nhật N mỗi tháng 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hàng tháng cấp dưỡng vào ngày 5 (dl). Bắt đầu cấp dưỡng vào ngày 5/5/2021. Bà Nguyễn Thị Kiều L không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo luật định.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về nghĩa vụ chậm cấp dưỡng: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, trong trường hợp người phải thi hành án chậm thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không yêu cầu.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Đình T và bà Nguyễn Thị Kiều L thống nhất ông bà cùng chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự. Chuyển số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005297 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T sang lệ phí, các đương sự đã thi hành xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh LA
- VKSND TPTA;
- Chi cục THADS tp. T;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu *HS*.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm Hằng